

Số: /TC-STP

Hải Dương, ngày tháng 8 năm 2023

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Hải Dương ban hành trong tháng 07 năm 2023

Thực hiện Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ (Đề án 977) về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” và Kế hoạch số 3434/KH-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai Đề án 977 trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành trong tháng 07 năm 2023 như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 07 năm 2023, HĐND tỉnh ban hành 09 Nghị quyết, UBND tỉnh Hải Dương ban hành 02 quyết định văn bản quy phạm pháp luật như sau:

*** Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân:**

1. Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 và Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Nghị quyết số về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2023.

3. Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Hải Dương.

4. Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp

dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Hải Dương của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

5. Nghị Quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật và một số nội dung, mức chi trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

6. Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định mức chi thực hiện một số chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ của tỉnh Hải Dương.

7. Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định một số nội dung chi và mức chi cho người cai nghiện ma túy, người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

8. Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Quy định mức quà tặng và định mức phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi tại thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

9. Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Hải Dương về việc hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người từ đủ 65 tuổi đến dưới 70 tuổi trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

*** Các quyết định của UBND:**

1. Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 tháng 2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phân cấp một số nội dung quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 55/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 và sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày

13 tháng 12 năm 2019 và Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương

a) Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực từ ngày 13/7/2023.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Bảng giá đất ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 và Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh còn có một số nội dung bất cập, chưa sát thực tế như: đã hình thành các tuyến đường mới tại các khu dân cư đô thị mới, khu dân cư nông thôn nhưng chưa thể hiện trong Bảng giá đất; nhiều tuyến đường còn lại tại các khu dân cư nông thôn, khu dân cư đô thị có giá chưa phù hợp với các vị trí tương đồng; giá đất, đặc biệt tại các khu vực còn lại ở nông thôn, giá đất trong các khu, cụm công nghiệp còn chưa phù hợp với thực tế khi tính bằng phương pháp thặng dư;... Đặc biệt trong bối cảnh tỉnh Hải Dương đang triển khai thực hiện nhiều công trình, dự án liên quan đến địa bàn liên xã, liên huyện và ủy quyền cho UBND cấp huyện quyết định giá đất cụ thể. Do đó, việc điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất để giải quyết các vướng mắc, bất cập trong thực tiễn áp dụng là cần thiết.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh gồm 03 Điều và 05 phụ lục với nội dung sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương

2. Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương năm 2023.

a) Hiệu lực thi hành:

Từ ngày 13 tháng 7 năm 2023.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc ban hành quy định là cần thiết để đảm bảo tính đồng bộ giữa Bảng giá đất và Hệ số điều chỉnh giá đất (do Bảng giá đất sửa đổi, bổ sung đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại kỳ họp thứ 16 khóa XVII; đồng thời kịp thời điều chỉnh hệ số của một số tuyến đường, phố, khu vực để phù hợp với biến động giá đất trên thị trường.

c) Nội dung chủ yếu:

Nội dung của quy định gồm 3 Điều, cụ thể:

Điều 1: Quy định cụ thể phương án sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023, gồm 03 Phụ lục kèm theo:

+ Phụ lục I - Sửa đổi, bổ sung Hệ số điều chỉnh giá đất đối với đất thuộc đô thị;

+ Phụ lục II - Sửa đổi, bổ sung Hệ số điều chỉnh giá đất đối với đất tại nông thôn;

+ Phụ lục III - Sửa đổi, bổ sung Hệ số điều chỉnh giá đất đối với đất thương mại, dịch vụ tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Điều 2: Tổ chức thực hiện.

Điều 3: Trách nhiệm thi hành.

3. Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Hải Dương.

a) Hiệu lực thi hành:

Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc ban hành văn bản là cần thiết, kịp thời chỉnh sửa một số nội dung các Nghị quyết Quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí của HĐND tỉnh cho phù hợp quy định của Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 và Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính và tình hình thực tiễn của tỉnh.

c) Nội dung chủ yếu:

Nội dung chủ yếu của Nghị quyết gồm 3 điều:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số khoản phí, lệ phí đã được quy định tại Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 13/2020/NQ-

HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 và Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Hải Dương.

1. Bãi bỏ khoản thu “Lệ phí đăng ký cư trú” quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh.

2. Lệ phí hộ tịch:

- Bãi bỏ quy định về mức thu tại điểm đ “Cấp bản sao trích lục hộ tịch”, điểm g “Ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch của cá nhân theo bản án, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” tại mục 2.1 về mức thu lệ phí hộ tịch áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã và bãi bỏ điểm e “Cấp bản sao trích lục hộ tịch” tại mục 2.2 về mức thu lệ phí hộ tịch áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp huyện thuộc phần II Khoản 1 về Lệ phí của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh.

- Sửa đổi nội dung thu tại điểm a, b, c, e quy định tại mục 2.1 về mức thu lệ phí hộ tịch áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã và điểm a, b, c, d, f, h quy định tại mục 2.2 về mức thu lệ phí hộ tịch áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp huyện thuộc phần II Khoản 1 về Lệ phí của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của HĐND tỉnh.

3. Sửa đổi tỷ lệ điều tiết nộp Ngân sách nhà nước:

- Sửa đổi mục 14, 15 Phần I về Phí thuộc Khoản 1 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 và tại mục 2 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh như sau: “Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã nộp 20% vào ngân sách tỉnh”.

- Sửa đổi mục 4 Phần II về Lệ phí thuộc Khoản 1 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 từ tỷ lệ điều tiết 100% cho Ngân sách huyện, thành phố, thị xã thành 100% cho Ngân sách tỉnh đối với cơ quan thu Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã.

Điều 2. Sửa đổi một số cụm từ của Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2016, Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2018 và Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh.

Sửa đổi cụm từ “VPĐKQSD đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường” thành cụm từ “Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương” và cụm từ “VPĐKQSD đất huyện, thành phố, thị xã” thành cụm từ “Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố, thị xã” tại mục 14, 15 Phần I về Phí và

mục 4 Phần II về Lệ phí thuộc Khoản 1 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016, tại phần I của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 và tại mục 2 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

4. Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quy định mức thu lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Hải Dương của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

a) Hiệu lực thi hành:

Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Việc ban hành văn bản là cần thiết, nhằm động viên các tổ chức, cá nhân tăng cường sử dụng dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến, đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước, đồng thời phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và thực tiễn tại địa phương.

c) Nội dung chủ yếu:

Nội dung chủ yếu của Nghị quyết gồm 3 điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

a, Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu lệ phí đối với việc giải quyết các dịch vụ công bằng hình thức trực tuyến trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

b, Đối tượng áp dụng:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị giải quyết các dịch vụ công thông qua hình thức trực tuyến phải nộp lệ phí.

- Cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công trực tuyến phải thu lệ phí.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức thu lệ phí:

Mức thu lệ phí đối với việc giải quyết các dịch vụ công thông qua hình thức trực tuyến bằng 50% mức thu lệ phí theo quy định hiện hành tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương.

Điều 3: Tổ chức thực hiện

5. Nghị Quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật và một số nội dung, mức chi trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

a) Hiệu lực thi hành:

Từ 01 tháng 8 năm 2023.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Sự cần thiết ban hành:

Ngày 06/7/2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 42/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Ngày 08/02/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 09/2023/TT-BTC quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản đã được điều chỉnh tăng so với mức chi đã được quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC và Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP.

Trong các thông tư quy định mức phân bổ và mức chi tại thông tư là mức chi tối đa, căn cứ vào khả năng ngân sách, tình hình thực tế địa phương UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quy định cụ thể mức chi để thực hiện. Do vậy, để đảm bảo việc thực hiện Thông tư số 338/2016/TT-BTC, Thông tư số 42/2022/TT-BTC và Thông tư 09/2023/TT-BTC phù hợp với khả năng cân đối ngân sách, tình hình thực tế tại địa phương thì việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật và một số nội dung, mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Mục đích của việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật

+ Quy định cụ thể định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật và một số nội

dung, mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương

+ Là cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị thực hiện việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản.

+ Bảo đảm tổ chức thực hiện hiệu quả Thông tư số 338/2016/TT-BTC, Thông tư số 42/2022/TT-BTC, Thông tư 09/2023/TT-BTC trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

c) Nội dung chủ yếu:

* Dự thảo Nghị quyết được kết cấu thành 06 điều và 01 phụ lục kèm theo, bao gồm:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật và một số nội dung, mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Đối tượng áp dụng

a, Cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

b, Cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Sở Tư pháp; Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; các cơ quan, đơn vị, tổ chức có nhiệm vụ giúp cơ quan, người có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu, kế hoạch.

Điều 2. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

a, Đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân
- + Cấp tỉnh: 30.000.000 đồng/dự thảo;
- + Cấp huyện: 15.000.000 đồng/dự thảo;
- + Cấp xã: 10.000.000 đồng/dự thảo.
- Quyết định của Ủy ban nhân dân
- + Cấp tỉnh: 20.000.000 đồng/dự thảo;
- + Cấp huyện 10.000.000 đồng/dự thảo;
- + Cấp xã: 8.000.000 đồng/dự thảo.

b, Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân
- + Cấp tỉnh: 24.000.000 đồng/dự thảo;
- + Cấp huyện: 12.000.000 đồng/dự thảo;
- + Cấp xã: 8.000.000 đồng/dự thảo.
- Quyết định của Ủy ban nhân dân
- + Cấp tỉnh: 16.000.000 đồng/dự thảo;
- + Cấp huyện 8.000.000 đồng/dự thảo;
- + Cấp xã: 6.400.000 đồng/dự thảo.

2. Kinh phí cho hoạt động thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (bao gồm cả kinh phí họp, nhận xét, báo cáo và các công việc khác liên quan đến công tác thẩm định) nằm trong định mức phân bổ đối với từng loại văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều này và được quy định cụ thể như sau:

a, Kinh phí thẩm định đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: 3.700.000 đồng/văn bản.

b, Kinh phí thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:

- Đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mới hoặc thay thế: 2.000.000 đồng/dự thảo; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung: 1.500.000 đồng/dự thảo.

- Đối với dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mới hoặc thay thế: 2.000.000 đồng/dự thảo; dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung: 1.500.000 đồng/dự thảo.

-Đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cấp huyện, cấp xã: Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định mức kinh phí thẩm định, thẩm tra

trong định mức phân bổ cụ thể đối với từng loại văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng tối đa không quá 1.500.000 đồng/dự thảo đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới hoặc thay thế; không quá 1.000.000 đồng/dự thảo đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung.

c, Trường hợp cơ quan thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc diện hưởng kinh phí cho hoạt động thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định tại các văn bản khác nhau với các mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

Điều 3. Quy định nội dung và mức chi có tính chất đặc thù cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật

Nội dung và mức chi có tính chất đặc thù cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Điều 5. Điều khoản thi hành

Điều 6. Tổ chức thực hiện

6. Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định mức chi thực hiện một số chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ của tỉnh Hải Dương.

a) Hiệu lực thi hành:

- Chế độ tặng quà thăm hỏi, động viên người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ được thực hiện từ ngày 01/8/2023.

- Chi phí đưa đón, ăn, ở của đối tượng điều dưỡng phục hồi sức khoẻ tập trung thực hiện từ ngày 01/01/2024.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở pháp lý:

Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND được ban hành căn cứ theo quy định của Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng; Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản

lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý;

b) Cơ sở thực tiễn

Trước khi Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND được ban hành, hằng năm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hải Dương trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt đối tượng, kinh phí thăm tặng quà các gia đình người có công với cách mạng nhân dịp Tết Nguyên đán, ngày Thương binh - Liệt sĩ.

Để đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của đối tượng người có công với cách mạng trong việc điều dưỡng tập trung tại các cơ sở điều dưỡng tập trung có điều kiện cơ sở vật chất tốt cũng như phù hợp với tình hình thực tế trong công tác điều dưỡng.

c) Mục đích của việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Quy định mức quà tặng thăm hỏi động viên đối với: người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ thể hiện sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị cũng như toàn xã hội có trách nhiệm cùng tham gia thực hiện chăm lo, tri ân đến người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

Việc xây dựng phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành, quy định cụ thể mức chi được sử dụng bằng ngân sách địa phương.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết có 08 Điều.

- Nội dung chủ yếu của văn bản:

a) Phạm vi điều chỉnh:

Quy định mức quà tặng thăm hỏi, động viên đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

Quy định mức quà tặng của Đoàn đại biểu thay mặt Lãnh đạo tỉnh trực tiếp thăm hỏi, động viên người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng.

Quy định chi phí mua bì thư, thiệp chúc Tết; mức chi phí đưa đón, ăn, ở của đối tượng điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung.

b) Đối tượng áp dụng:

- Đối với tặng quà thăm hỏi, động viên, gồm:

Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại điểm d; đ; e; h; i; k; m và điểm g (bao gồm cả người có công với cách mạng không hưởng trợ cấp hằng tháng) khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

Đại diện thân nhân liệt sĩ, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (trường hợp liệt sĩ không còn thân nhân).

Người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng được Lãnh đạo tỉnh thăm trực tiếp.

Thương binh, bệnh binh đã cư trú tại tỉnh Hải Dương; hiện đang được nuôi dưỡng tại một số Trung tâm thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được tỉnh Hải Dương thực hiện và xác nhận các chế độ liên quan khác đối với người có công và thân nhân người có công.

- Đối với điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung, gồm:

Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 3 và thân nhân liệt sĩ quy định tại khoản 5 Điều 16 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

- Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan

c) Quy định chính:

Chế độ tặng quà thăm hỏi, động viên người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.

- Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7):

Mức quà thăm hỏi, động viên 600.000 đồng.

Mức quà thăm hỏi, động viên 2.500.000 đồng tặng: các đối tượng được Lãnh đạo tỉnh thăm trực tiếp.

Một suất quà chung đối với các đối tượng người có công và thân nhân người có công đang được nuôi dưỡng, điều dưỡng, điều trị, phục hồi sức khỏe tại mỗi cơ sở khi Lãnh đạo tỉnh thăm hỏi, động viên trực tiếp là 5.500.000 đồng.

Chi phí mua bì thư để quà tặng: mức chi theo thực tế, tối đa không quá 500 đồng/bì thư.

- Tết Nguyên đán:

Mức quà thăm hỏi, động viên 800.000 đồng.

Mức quà thăm hỏi, động viên 2.500.000 đồng tặng: các đối tượng được Lãnh đạo tỉnh thăm trực tiếp.

Một suất quà chung đối với các đối tượng người có công và thân nhân người có công đang được nuôi dưỡng, điều dưỡng, điều trị, phục hồi sức khỏe tại mỗi cơ sở khi Lãnh đạo tỉnh thăm hỏi, động viên trực tiếp là 5.500.000 đồng.

Chi phí mua bì thư và thiệp chúc Tết: mức chi theo thực tế, tối đa không quá 3.000 đồng/bộ.

- Mức chi phí đưa đón, ăn, ở của đối tượng trong 01 đợt điều dưỡng, phục hồi sức khỏe tập trung

Mức chi phí đưa đón đối tượng đi điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung trong tỉnh: tối đa 300.000 đồng/người/đợt, đối tượng điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung ngoài tỉnh: tối đa 500.000 đồng/người/đợt, điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung kết hợp trong tỉnh và ngoài tỉnh: tối đa 800.000 đồng/người/đợt.

Trong trường hợp chi phí ăn, ở phát sinh cao hơn mức chi trong chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe từ nguồn ngân sách trung ương thì hỗ trợ phần chênh lệch cao hơn từ nguồn ngân sách địa phương trong phạm vi dự toán được giao hằng năm, cụ thể: Hỗ trợ đối với điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung ngoài tỉnh: tối đa 1.500.000 đồng/người/đợt, điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung kết hợp trong tỉnh và ngoài tỉnh: tối đa 300.000 đồng/người/đợt.

Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp đảm bảo xã hội được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

7. Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định một số nội dung chi và mức chi cho người cai nghiện ma túy, người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

a) Hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVII kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 13/7/2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2023.

- Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định mức trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương và Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người tự

nguyên cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập, tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Ngày 05/10/2022, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 62/2022/TT-BTC quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy, có hiệu lực từ ngày 19/11/2022 thay thế Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 của Bộ Tài chính trong đó có nhiều nội dung giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Nhằm đảm bảo triển khai kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên, hỗ trợ tạo điều kiện cho người cai nghiện ma túy; người làm công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh góp phần giảm thiểu tác hại của tệ nạn ma túy đối với đời sống xã hội, hỗ trợ giúp đỡ người nghiện ma túy từ bỏ ma túy, tái hòa nhập cộng đồng, phòng, chống tái nghiện.

- Xây dựng Nghị quyết thay thế các văn bản có căn cứ hết hiệu lực, tạo thuận lợi cho việc phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật, thực hiện chính sách và theo dõi, giám sát của các tổ chức, cá nhân liên quan.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết bao gồm: 02 chương và 08 điều

Nội dung chủ yếu của Nghị quyết

- Phạm vi điều chỉnh:

+ Quy định một số nội dung chi và mức chi cho người cai nghiện ma túy, người làm công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

+ Các chế độ và mức hỗ trợ khác không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính.

- Đối tượng áp dụng:

+ Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi tắt là người cai nghiện bắt buộc).

+ Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

+ Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh.

+ Viên chức, người lao động làm việc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh.

+ Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Các quy định chính:

+ Chế độ đối với người cai nghiện bắt buộc trong thời gian cai nghiện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh: tiền ăn hàng tháng, tiền quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân, tiền mai táng phí (tăng so với Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND) và bổ sung thêm: hỗ trợ 01 bộ quần áo cho người chấp hành xong cai nghiện bắt buộc (không quá 400.000 đồng/bộ (đối với quần áo mùa hè) hoặc 600.000 đồng/bộ (đối với quần áo mùa đông).

+ Chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng: Hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện ma túy đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 (ba) giai đoạn theo quy định, mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương cơ sở hiện hành.

+ Chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh: Hỗ trợ 100% chi phí cai nghiện ma túy (tính cho một lần chấp hành) và thuốc chữa bệnh thông thường (hàng tháng); Hỗ trợ tiền ăn, tiền băng vệ sinh (hàng tháng), tiền quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân (tính cho một lần chấp hành) bằng 70% mức hỗ trợ đối với người cai nghiện bắt buộc.

+ Trợ cấp đặc thù hàng tháng đối với viên chức, người lao động làm việc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh, mức trợ cấp đặc thù: 1.800.000 đồng/người/tháng (tăng so với Nghị quyết số 50/2017/NQ-HĐND: 300.000 đồng/người/tháng).

+ Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã bằng 0,4 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng.

8. Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Quy định mức quà tặng và định mức phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi tại thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

a) Hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVII kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 13/7/2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2023.

- Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ đối với người cao tuổi hết hiệu lực thi hành.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý:

Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND được ban hành căn cứ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi.

b) Cơ sở thực tiễn

Trước khi Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND được ban hành, trên địa bàn tỉnh Hải Dương thực hiện việc tặng quà, tổ chức chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi theo quy định tại Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của UBND tỉnh quyết định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ đối với người cao tuổi. Theo quy định của pháp luật, Hội đồng nhân dân tỉnh cần ban hành quy định về mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 tuổi và trên 100 tuổi. Đồng thời văn bản của Trung ương không quy định cụ thể giá trị 05 mét vải lụa quà tặng chúc thọ đối với người cao tuổi thọ 100 tuổi, chưa quy định cụ thể kinh phí tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi. Do vậy, cần ban hành quy định chi tiết cụ thể định mức, chi ngân sách nhà nước.

c) Mục đích của việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật

- Xây dựng Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND tạo hành lang pháp lý cụ thể để thực hiện tốt hơn công tác chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi, tạo thuận lợi cho việc phổ biến, tuyên truyền pháp luật, thực hiện chính sách và theo dõi, giám sát thực hiện của các tổ chức, cá nhân liên quan.

- Thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với người cao tuổi, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, khả năng cân đối ngân sách và đúng thẩm quyền, bảo đảm người dân được hưởng chính sách kịp thời, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

c) Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết có 05 Điều.

- Nội dung chủ yếu của văn bản:

a) Phạm vi điều chỉnh:

Quy định mức quà tặng và định mức phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi tại thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

b) Đối tượng áp dụng:

- Người cao tuổi là công dân Việt Nam, đang cư trú trên địa bàn tỉnh Hải Dương ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 tuổi và trên 100 tuổi (Trong trường hợp tạm trú, phải có xác nhận về việc chưa được nhận quà chúc thọ, mừng thọ tại nơi đăng ký thường trú);

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến việc thực hiện chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi hàng năm trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

c) Quy định chính:

- Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi đang cư trú trên địa bàn tỉnh Hải Dương: Người cao tuổi ở tuổi 70, 75 tuổi là 350.000 đồng; ở tuổi 80, 85 tuổi là 450.000 đồng; Người cao tuổi thọ 90 tuổi quà tặng gồm hiện vật trị giá 150.000 đồng và 600.000 đồng tiền mặt; ở tuổi 95 tuổi là 750.000 đồng; Người cao tuổi thọ 100 tuổi quà tặng gồm 05 mét vải lụa có giá trị tối đa không quá 1.000.000 đồng và 850.000 đồng tiền mặt; ở tuổi từ 101 đến 109 tuổi là 1.500.000 đồng; ở tuổi 110 tuổi trở lên là 3.000.000 đồng.

- Định mức phân bổ ngân sách nhà nước để in ấn hoặc mua "Giấy mừng thọ", làm khung "Giấy mừng thọ" là 70.000 đồng/người; Định mức phân bổ ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức chúc thọ, mừng thọ tại các thôn, khu dân cư là 2.000.000 đồng/thôn, khu dân cư.

- Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp bảo đảm xã hội được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

d) Nội dung mới so với văn bản trước đó:

- Nâng mức quà tặng bằng tiền mặt đối với người cao tuổi thọ 90 tuổi từ 500.000 đồng lên 600.000 đồng; đối với người cao tuổi thọ 100 tuổi nâng mức quà tặng bằng tiền mặt từ 700.000 đồng lên 850.000 đồng và 05 mét vải lụa tương đương 600.000 đồng lên giá trị tối đa không quá 1.000.000 đồng;

- Nâng mức quà tặng bằng tiền mặt đối với người cao tuổi ở độ tuổi 70, 75 tuổi tăng thêm 50.000 đồng; ở độ tuổi 80, 85 tuổi tăng thêm 100.000 đồng; ở độ tuổi 95 tuổi tăng thêm 100.000 đồng; ở độ tuổi từ 101 đến 104 tuổi và ở độ tuổi 110 tuổi tăng thêm 500.000 đồng.

- Nâng mức hỗ trợ thôn, khu dân cư tổ chức chúc thọ, mừng thọ từ 1.000.000 đồng lên 2.000.000 đồng/thôn, khu dân cư/01 lần tổ chức.

- Quy định cụ thể định mức phân bổ ngân sách để in, ấn in ấn hoặc mua "Giấy mừng thọ", làm khung "Giấy mừng thọ" là 70.000 đồng/người.

- Quy định cụ thể từng nguồn kinh phí thực hiện: Kinh phí quà tặng người cao tuổi thọ 90 tuổi và 100 tuổi được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Kinh phí quà tặng người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của ngân sách cấp huyện; kinh phí tổ chức chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi tại các thôn/khu dân cư được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của ngân sách cấp xã để thực hiện theo quy định hiện hành.

9. Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh Hải Dương về việc hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người từ đủ 65 tuổi đến dưới 70 tuổi trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

a) Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Bảo hiểm y tế (BHYT) là chính sách quan trọng trong chính sách an sinh xã hội, đã được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm chỉ đạo, được các bộ, ngành và địa phương nghiêm túc triển khai sâu rộng trên phạm vi cả nước. Đối với mỗi người dân, nhất là đối tượng người cao tuổi, BHYT có ý nghĩa rất quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe.

Thực hiện mục tiêu đến năm 2025 tỷ lệ người cao tuổi có thẻ BHYT đạt 100% theo Kế hoạch số 4810/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh thực hiện Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến 2030; Kế hoạch số 2450/KH-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2030. HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 về việc hỗ trợ mức đóng BHYT cho người cao tuổi và người thu gom rác trên địa bàn tỉnh Hải Dương, trong đó hỗ trợ 70% mức đóng BHYT cho người cao tuổi từ đủ 70 tuổi đến dưới 80 tuổi, nhờ đó nhóm đối tượng này cơ bản có thẻ BHYT qua việc mua BHYT tự đóng. Qua việc thực hiện chính sách, năm 2020 đã có thêm 8.936 người, năm 2021 là 14.133 người và năm 2022 là 16.700 người cao tuổi từ đủ 70 tuổi đến dưới 80 tuổi đã tham gia mua thẻ BHYT và được NSNN hỗ trợ.

Trên địa bàn tỉnh Hải Dương hiện nay số người dân đã có thẻ BHYT là 1.763.224 người đạt tỷ lệ bao phủ BHYT khoảng 91,04%; Số người dân chưa có thẻ BHYT khoảng 173.551 người (chiếm 8,96% tổng dân số) chủ yếu nằm trong các nhóm đối tượng là lao động tự do và một số người cao tuổi, người

thuộc các hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có thu nhập thấp. Trong số các nhóm chưa tham gia BHYT nêu trên thì chủ yếu nằm trong nhóm người cao tuổi từ đủ 65 tuổi đến dưới 70 tuổi. Đây là nhóm đối tượng rất cần có thẻ BHYT vì tuổi cao, hầu hết ở khu vực nông thôn, không có lương hưu, không thuộc diện hưởng trợ cấp, bảo trợ xã hội, đời sống khó khăn, sống phụ thuộc vào con cháu, nếu không có sự hỗ trợ rất khó mua được thẻ BHYT tự nguyện, thường bị gián đoạn tham gia BHYT.

Từ những lý do trên, để nâng cao tỷ lệ người dân tham gia BHYT và thực hiện việc chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi, cần thiết xây dựng và ban hành Nghị quyết hỗ trợ đóng BHYT đối với người từ đủ 65 tuổi đến dưới 70 tuổi trên địa bàn tỉnh Hải Dương nhằm giảm bớt khó khăn cho người cao tuổi trong chi trả các dịch vụ khám chữa bệnh, tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội.

c) Nội dung chủ yếu:

Người từ đủ 65 tuổi đến dưới 70 tuổi chưa được cấp thẻ bảo hiểm y tế; có nơi thường trú trên địa bàn tỉnh Hải Dương được ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% mức đóng BHYT.

10. Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phân cấp một số nội dung quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

a) Hiệu lực thi hành:

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2023.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

- Theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Luật Xây dựng và Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chất lượng công trình xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương: dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích sử dụng nguồn vốn đầu tư công của cấp nào, UBND cấp đó phê duyệt.

- Theo quy định của Luật Di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh: thẩm quyền

phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích được xếp hạng từ cấp tỉnh, cấp Quốc gia và Quốc gia đặc biệt thuộc UBND tỉnh.

-Nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công tu bổ di tích xếp hạng cấp tỉnh, cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt để công tác tu bổ, tôn tạo di tích trên địa bàn tỉnh được thực hiện nhanh, thuận lợi, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

c) Nội dung chủ yếu:

Nội dung của Quyết định gồm 07 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức lập và lập điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

2. Nội dung lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị theo quy định tại Khoản 2, Khoản 6 Điều 5 Nghị định 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

Điều 4. Lập, phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc

1. UBND huyện, thành phố, thị xã tổ chức lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị và quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

2. UBND huyện, thị xã, thành phố phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn trong phạm vi quản lý hành chính của mình.

3. Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn được lập riêng theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Nghị định 85/2020/NĐ-CP hoặc được tích hợp nội dung vào đồ án quy hoạch chung xây dựng xã.

Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố.

Điều 6. Tổ chức thực hiện.

Điều 7. Hiệu lực thi hành.

11. Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 55/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 và sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

a) Hiệu lực thi hành:

Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh có hiệu lực từ ngày 13/7/2023 đến hết ngày 31/12/2024.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:

Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 55/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 và sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 229/2021/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương còn có một số nội dung bất cập, chưa sát thực tế như: đã hình thành các tuyến đường mới tại các khu dân cư đô thị mới, khu dân cư nông thôn nhưng chưa thể hiện trong Bảng giá đất; nhiều tuyến đường còn lại tại các khu dân cư nông thôn, khu dân cư đô thị có giá chưa phù hợp với các vị trí tương đồng; giá đất, đặc biệt tại các khu vực còn lại ở nông thôn, giá đất trong các khu, cụm công nghiệp còn chưa phù hợp với thực tế khi tính bằng phương pháp thặng dư;... Đặc biệt trong bối cảnh tỉnh Hải Dương đang triển khai thực hiện nhiều công trình, dự án liên quan đến địa bàn liên xã, liên huyện và ủy quyền cho UBND cấp huyện quyết định giá đất cụ thể. Do đó, việc điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất để giải quyết các vướng mắc, bất cập trong thực tiễn áp dụng là cần thiết.

c) Nội dung chủ yếu:

Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm 03 Điều và 06 phụ lục với nội dung chính là sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND tỉnh ban hành trong tháng 07 năm 2023, Sở Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh (để đăng tải);
- Báo Hải Dương (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Ngõn

